

Bản án số: 130/2025/HS-ST
Ngày: 18-11- 2025

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Minh Trí

Thẩm phán: Ông Trần Quốc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thủy

Ông Võ Văn Cẩm

Ông Lê Quang Diệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lệ Huyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2025/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2025/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh L; Tên gọi khác: T4; Giới tính: Nam; Sinh ngày 20 tháng 11 năm 1981; CCCD: 080081006293. Nơi cư trú: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 05/12; Con ông: Nguyễn Văn L1, sinh năm 1962 (sống) và bà Lê Thị B, sinh năm 1963 (sống); Anh chị em ruột: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1989; Vợ: Trần Thị Bé T, sinh năm 1987 và có 02 chung, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 14/11/2019 Công an huyện V, tỉnh Long An ra Quyết định số 69 xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép (đá gà) đã thi hành xong ngày 15/11/2019 theo Biên lai thu tiền phạt số 0015048 của Kho bạc Nhà nước huyện V (cũ).

Bị cáo Nguyễn Thanh L đang bị tạm giam từ ngày 27/3/2024 đến nay tại

Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh T (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lê Thanh P, Công ty L13 và Cộng sự - thuộc Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt).

Bị hại:

1. Nguyễn Thị Bé T1, sinh năm 1974, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) (có mặt).

2. Nguyễn Văn H, sinh năm 1972, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp), do bà Nguyễn Thị Bé T1 đại diện theo ủy quyền.

3. Trương Kim T2, sinh năm 1975, địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã H, tỉnh Đồng Tháp) (có mặt).

4. Phạm Tím E, sinh năm 1980, địa chỉ: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã N, tỉnh Tây Ninh) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh L làm nghề môi giới mua, bán lúa (cò lúa) bằng cách L tìm nông dân có lúa nếp cần bán, thỏa thuận số lượng và đơn giá lúa nếp cần bán rồi ký hợp đồng đặt cọc với nông dân, đem các hợp đồng này giao lại cho thương lái cần mua, nhận tiền đặt cọc của thương lái để giao lại nông dân, hưởng hoa hồng của các thương lái khi thực hiện xong hợp đồng, do cần tiền trả nợ và tiêu xài, lợi dụng sự tin tưởng của các thương lái, trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2022 đến tháng 4 năm 2023, tại huyện V, tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh), L dùng nhiều thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền đặt cọc của các thương lái thu mua lúa, cụ thể như sau:

- Đối với vợ chồng bà Nguyễn Thị Bé T1, ông Nguyễn Văn H:

Một: Nguyễn Thanh L ký hợp đồng mua bán lúa, đặt cọc với nông dân (hợp đồng thật), sau đó L viết lại hợp đồng khác ghi tăng số lượng diện tích lúa đã mua, tăng tiền đặt cọc, giả chữ ký của bên bán hoặc sửa nội dung hợp đồng tăng số lượng diện tích lúa đã mua của bên bán, tăng tiền đặt cọc rồi đưa cho bà Bé T1, ông H. Bà T1 tin tưởng giao tiền đặt cọc mua lúa cho L, L nhận tiền rồi giao tiền cọc theo hợp đồng thật cho bên bán, còn lại tiêu xài. Đến khi thu hoạch lúa, L không giao lúa cho bà T1, ông H mà bán lúa cho thương lái khác, lấy lại tiền đã đặt cọc cho nông dân và tiêu xài, cụ thể:

Ngày 03/01/2022 L ký hợp đồng với Trần Văn P1 mua lúa với số lượng 150 công, đặt cọc 75.000.000đ. L viết hợp đồng khác ghi tăng số lượng là 300

công, đặt cọc 150.000.000đ (hợp đồng khống), L ký chữ ký của P1, giao hợp đồng khống cho bà Bé T1, bà T1 giao 150.000.000đ cho L. L giao 75.000.000đ cho P1, còn 75.000.000đ tiêu xài cá nhân. Đến khi thu hoạch lúa, L bán lúa cho thương lái khác, lấy lại 75.000.000đ tiền đặt cọc mua lúa từ ông P1 tiêu xài.

Ngày 31/12/2022 L ký hợp đồng mua lúa với Nguyễn Văn C số lượng 30 công, đặt cọc 15.000.000đ; L sửa lại nội dung hợp đồng ghi tăng số lượng lúa đã mua là 350 công, đặt cọc 175.000.000đ. Bà T1 giao cho L tiền đặt cọc mua lúa 175.000.000đ, L giao cho C 15.000.000đ, còn 160.000.000đ tiêu xài cá nhân. Đến khi thu hoạch lúa, L bán lúa cho thương lái khác và lấy lại 15.000.000đ đã đặt cọc cho C tiêu xài.

Ngày 14/12/2022 L ký hợp đồng với vợ chồng ông Nguyễn Chí T3 và bà Nguyễn Thị Mỹ D để mua lúa số lượng 30 công, đặt cọc 15.000.000đ. Bà D ký tên trong hợp đồng nhưng không ghi nội dung, L ghi số lượng lúa đã mua của ông T3, bà D là 50 công lúa và số tiền cọc là 25.000.000đ. Bà T1 giao cho L 25.000.000đ tiền đặt cọc, L giao cho T3 và D 15.000.000đ, còn 10.000.000đ tiêu xài cá nhân. Đến khi thu hoạch, L bán lúa cho thương lái khác, lấy lại 15.000.000đ tiêu xài.

L nói dối với bà B1 T1 là người thân, người quen của L ủy quyền cho L làm đại diện ký và nhận tiền đặt cọc các hợp đồng mua bán lúa với bà T1, ông H. Bà Bé T1 tin tưởng giao tiền đặt cọc mua lúa cho L, bị L chiếm đoạt, cụ thể:

Hai: L viết Hợp đồng mua, bán lúa - nếp tươi ghi ngày 14/12/2022, tên người bán là Nguyễn Thanh L, nội dung bán lúa Đài thơm 8 với số lượng 200 công, đặt cọc 100.000.000đ, L nhờ Nguyễn Văn L2 ký ở mục người chứng kiến, L ký ở mục “cò” là “Nguyễn Văn T4”. L giao hợp đồng này cho bà T1, bà T1 căn cứ hợp đồng giao 100.000.000 đồng tiền đặt cọc cho L, bị L chiếm đoạt.

L viết Hợp đồng ghi ngày 15/12/2022, tên người bán Nguyễn Thanh L, nội dung bán lúa Đài thơm 8 số lượng 900 công, đặt cọc 450.000.000đ, L ký ở mục “cò” là “Nguyễn Văn T4”. L giao hợp đồng này cho bà T1, bà T1 căn cứ hợp đồng giao 450.000.000 đồng tiền đặt cọc cho L.

L viết Hợp đồng ghi ngày 26/12/2022 AL, tên người bán Nguyễn Thanh L, nội dung bán lúa OM 18, số lượng 100 công, tiền đặt cọc là 50.000.000đ. L ký ở mục “cò” là “Nguyễn Văn T4”. L giao hợp đồng này cho bà T1, nhận tiền cọc là 50.000.000đ.

L viết Hợp đồng ghi ngày 26/12/2022, tên người bán Nguyễn Thanh L,

nội dung bán lúa OM 18 số lượng 250 công, đặt cọc là 125.000.000đ, L ký ở mục “cò” là “Nguyễn Văn T4”. L giao hợp đồng này cho bà T1, nhận 125.000.000đ tiền đặt cọc.

Ba: L không môi giới mua bán lúa giữa bà T1, ông H và nông dân nhưng L tự ghi thông tin người bán, diện tích lúa tương ứng số tiền đặt cọc trong hợp đồng rồi nhờ người khác hoặc L ký, viết tên của người bán rồi giao hợp đồng này cho bà T1 để chiếm đoạt tiền đặt cọc của bà T1, cụ thể:

L viết hợp đồng mua lúa - nếp tươi ngày 26/12/2022 người bán lúa tên Nguyễn Văn T5, bán lúa OM 380 số lượng 200 công, đặt cọc là 40.000.000đ. L ký tên Nguyễn Văn T5 vào phần bên bán, giao Hợp đồng này cho bà B1 T1 và nhận 40.000.000đ tiền đặt cọc tiêu xài.

L viết và ký tên vào Hợp đồng ngày 31/12/2022 ghi người bán lúa Nguyễn Văn V, bán lúa Đài Thơm 8 số lượng 300 công, chiếm đoạt 150.000.000đ tiền đặt cọc mua lúa của bà T1.

L viết tên người bán lúa là Nguyễn Văn N rồi nhờ người khác (không nhớ nhân thân) ký, viết tên Nguyễn Văn N ở mục người bán trong hợp đồng, nội dung bán lúa 6976, số lượng 300 công, ngày xạ 20/11/2022, chiếm đoạt 150.000.000đ tiền đặt cọc.

L viết, ký tên người bán là Nguyễn Thị P2 trong 02 hợp đồng có nội dung: bán lúa Đài thơm 8 số lượng 100 công, đặt cọc 30.000.000đ, ngày cắt 17/02/2023, ngày cân 18/02/2023 và bán lúa OM 18 số lượng 100 công, đặt cọc 30.000.000đ, ngày cắt 17/02/2023, ngày cân 18/02/2023, chiếm đoạt tổng cộng 60.000.000đ tiền đặt cọc.

L viết, ký tên người bán lúa Nguyễn Văn L3, bán lúa OM 18 số lượng 200 công, ngày xạ 09/12/2022, chiếm đoạt 100.000.000đ tiền đặt cọc.

L viết, ký tên người bán Lê Văn L4, bán lúa Đài Thơm số lượng 300 công vào Hợp đồng ghi ngày 14/12/2022, chiếm đoạt 150.000.000đ tiền đặt cọc của bà T1.

L viết, ký tên người bán là Bưởi Hũ N1, bán lúa OM 18 số lượng 350 công, ngày xạ lúa 20/11/2022, chiếm đoạt 175.000.000đ tiền đặt cọc.

L viết, ký tên người bán Nguyễn Văn M, bán lúa 114 số lượng 120 công, ngày xạ lúa 20/11/2022, chiếm đoạt 60.000.000đ tiền đặt cọc.

L nhờ người khác (không nhớ ai) viết, ký tên người bán Nguyễn Hữu Q, bán lúa OM 18 số lượng 200 công, ngày xạ lúa 15/12/2022, chiếm đoạt 100.000.000đ tiền đặt cọc.

L viết, ký tên người bán Lê Văn P3, bán lúa OM 18 số lượng 200 công, ngày xạ lúa 11/12/2023, chiếm đoạt 100.000.000đ tiền đặt cọc.

L viết, ký tên người bán Nguyễn Văn L5, bán lúa 5454 số lượng 200 công, ngày xạ lúa 11/12/2023, chiếm đoạt 100.000.000đ tiền đặt cọc.

L nhờ người khác (không nhớ ai) viết, ký tên người bán Nguyễn Văn T6, bán lúa Đài Thơm 8 số lượng 300 công, ngày xạ lúa 09/11/2022, chiếm đoạt 150.000.000đ tiền đặt cọc.

L viết, ký tên người bán Nguyễn Văn T7, bán lúa OM 18 số lượng 200 công, ngày xạ lúa 11/11/2023, chiếm đoạt 100.000.000đ tiền đặt cọc.

L viết, ký tên người bán Nguyễn Văn P4, bán lúa Đài Thơm 8 số lượng 300 công vào Hợp đồng ghi ngày 09/12/2022, chiếm đoạt 150.000.000đ tiền đặt cọc.

L viết, ký tên người bán Đỗ Thành L6, bán lúa 50404 số lượng 130 công vào Hợp đồng ghi ngày 31/12/2022, chiếm đoạt 65.000.000đ tiền đặt cọc.

L viết, ký tên người bán Nguyễn Văn B2, bán lúa Đài Thơm 8 số lượng 60 công, ngày xạ lúa 11/11/2022, chiếm đoạt 30.000.000đ tiền đặt cọc.

L viết, ký tên người bán Nguyễn Văn T8, bán lúa Đài Thơm 8 số lượng 290 công vào Hợp đồng ghi ngày 14/12/2022, chiếm đoạt 145.000.000đ tiền đặt cọc.

L viết, ký tên người bán Nguyễn Văn H1, bán lúa OM 18 số lượng 300 công, xạ ngày 17/11/2022, chiếm đoạt 150.000.000đ tiền đặt cọc.

L viết, ký tên người bán Nguyễn Ngọc N2, bán lúa OM 18 số lượng 350 công, xạ lúa ngày 19/11/2022, chiếm đoạt 175.000.000đ tiền đặt cọc.

Tổng cộng, Nguyễn Thanh L chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Bé T1, ông Nguyễn Văn H 3.225.000.000 đồng.

Ngoài ra trong khoảng thời gian từ tháng 12/2022 đến tháng 4/2023, tại nhà ông Nguyễn Văn Đ địa chỉ ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh). Nguyễn Thanh L môi giới cho bà T1, ông H trực tiếp ký hợp đồng, đặt cọc tiền mua bán lúa với nông dân. Đến vụ thu hoạch là kỳ thanh toán hợp đồng, L và bà T1, ông H thỏa thuận L bán lúa cho thương lái khác với giá cao hơn, thu tiền bà T1, ông H đã đặt cọc để trả lại cho bà T1, ông H. Đến vụ thu hoạch vào cuối tháng 3/2023, đầu tháng 4/2023, L môi giới bán lúa cho thương lái khác, thu lại tiền bà T1 và ông H đã đặt cọc cho nông dân. Sau khi nhận tiền đặt cọc, L nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền này để tiêu xài nên L nói với bà T1, ông H là L chưa thu được tiền đặt cọc để chiếm đoạt tiêu xài,

cụ thể:

Hợp đồng ngày 15/12/2022 giữa ông H và ông Nguyễn Văn Đ thỏa thuận mua bán lúa Đài Thơm 8 số lượng 50 công, bà T1 giao tiền đặt cọc cho ông Đ 25.000.000 đồng. Đến vụ thu hoạch L dẫn thương lái khác đến mua lúa, thu lại tiền đặt cọc 25.000.000đ.

Hợp đồng ngày 15/12/2022 với Tô Văn Ru B3 mua lúa Đài Thơm 8 số lượng 120 công, L thu lại số tiền đặt cọc 60.000.000đ.

Hợp đồng ngày 15/12/2022 với Nguyễn Hoàng Trúc P5 (tên gọi khác Nguyễn Văn Đ1) mua lúa Đài thơm 8 số lượng 4,5 ha, L thu lại số tiền đặt cọc 22.000.000đ.

Hợp đồng ngày 15/12/2022 với Nguyễn Văn L7, mua lúa Đài thơm 8 số lượng 60 công, L thu lại số tiền đặt cọc 30.000.000đ.

Hợp đồng ngày 15/12/2022 với Bùi Văn P6, mua lúa OM 18 số lượng công, L thu lại số tiền đặt cọc 50.00.000đ.

Hợp đồng ngày 15/12/2022 với Trần Văn T9 mua lúa Đài thơm 8 số lượng 50 công, L thu lại số tiền đặt cọc 25.000.000đ.

Hợp đồng ngày 15/12/2022 với Nguyễn Văn N3 và vợ là Bùi Thị S, mua lúa đài thơm 8 số lượng 40 công, L thu lại số tiền đặt cọc 20.000.000đ.

Hợp đồng ngày 15/12/2022 với Nguyễn Tô Quốc Đ2, mua lúa số lượng 9,5 ha, L thu lại số tiền đặt cọc 47.000.000đ.

Hợp đồng ngày 15/12/2022 với Nguyễn Văn Bé Đ3, mua lúa đài thơm 8 số lượng 9,5 ha, L thu lại số tiền đặt cọc 47.000.000đ.

Hợp đồng ngày 15/12/2022 với Nguyễn Văn T10 (em ruột L), mua lúa đài thơm 8, số lượng 50 công, bà T1 giao 25.000.000đ tiền đặt cọc. Đến vụ thu hoạch, L kêu thương lái khác đến mua lúa theo Hợp đồng xong nhưng không trả lại tiền cọc cho bà T1.

Hợp đồng ngày 15/12/2022 với Tô Quan V1, mua lúa số lượng 18,5 hecta, L thu lại số tiền đặt cọc 92.000.000đ.

Tổng cộng thông qua 11 trường hợp này L đã nhận 443.000.000đ nhưng không trả lại cho bà T1, ông H và sử dụng tiêu xài.

- Đối vợ chồng bà Phạm Tím E, ông Ngô Thanh B4:

Nguyễn Thanh L không môi giới thỏa thuận mua bán lúa giữa bà Tím E, ông B4 với người nông dân nhưng tự viết tên nông dân, loại và số lượng lúa, số tiền đặt cọc vào hợp đồng mua, bán lúa - nếp tươi. Sau đó, L tự ký và viết

tên người bán lúa, nếp vào hợp đồng hoặc nhờ người khác ký tên người bán vào mục bên bán trong hợp đồng, giao các hợp đồng này cho bà E để bà E giao 310.000.000đ tiền đặt cọc mua lúa cho L, L chiếm đoạt tiêu xài, cụ thể:

L viết, ký tên người bán là Nguyễn Văn P4 trong hợp đồng ghi xạ ngày 04/12/2022, bán lúa RVT số lượng 100 công, tiền cọc 50.000.000đ.

L viết, ký tên người bán Nguyễn Văn T6 trong hợp đồng ghi xạ ngày 02/12/2022, bán lúa RVT số lượng 120 công, tiền đặt cọc là 60.000.000đ.

L nhờ người khác (không nhớ ai) viết, ký tên người bán Lê Văn T11, bán lúa ST24 số lượng 150, tiền đặt cọc là 75.000.000đ.

L nói dối với Võ Văn T12 là L không liên hệ được với nông dân bán lúa nên nhờ T12 ký vào bên bán trong hợp đồng mua bán lúa để L nhận cọc của người mua, dùng tiền này đi đặt cọc mua lúa nơi khác. Tin tưởng, T12 ký vào hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi ngày 08/12/2022 với Ngô Thanh B4, bán lúa ST24 số lượng 150 công và nhận tiền đặt cọc từ bà E, ông B4 là 75.000.000đ, T12 giao lại số tiền này cho L.

Nguyễn Thanh L nói dối với Nguyễn Thanh Đ4, nhờ Đ4 ký vào hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi ngày 08/12/2022, bán lúa RVT số lượng 100 công và nhận tiền đặt cọc từ bà E, ông B4 là 50.000.000đ rồi sau đó giao lại 50.000.000đ cho L.

- Đối với bà Trương Kim T2:

Tháng 4 năm 2023, L nói dối là đã mua được lúa ST số lượng 27 hecta và lúa Đài Thơm 8 số lượng 50 hecta và yêu cầu bà T2 giao tiền đặt cọc mua lúa là 155.000.000đ. Tin tưởng, ngày 16 và 17/4/2023 bà Trương Kim T2 chuyển 155.000.000đ vào tài khoản của L để đặt cọc mua lúa. Sau khi nhận 155.000.000đ, L tiêu xài.

Tổng số tiền Nguyễn Thanh L đã chiếm đoạt của Nguyễn Thị Bé T1 và Nguyễn Văn H, Phạm Tím E và Ngô Thanh B4, Trương Kim T2 là 4.133.000.000đ.

Tại Kết luận giám định số: 1211/KL-KTHS ngày 11/12/2023 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: chữ viết bắt đầu từ dòng "Tôi tên" và kết thúc ở dòng "Bằng chữ" bằng bút bic màu xanh, chữ ký bằng bút bic màu xanh ở mục "Cò", trên 14 (mười bốn) tờ "Hợp đồng mua bán lúa-nếp tươi" ký hiệu A1, A2, A26 và từ A28 đến A38; chữ viết bắt đầu từ dòng "Tôi tên" và kết thúc ở dòng "...ngày tháng năm" bằng bút bic màu xanh, chữ ký bằng bút bic màu xanh ở mục "Cò", trên 21 (hai mươi một) tờ "Hợp đồng mua bán lúa- nếp tươi" ký

hiệu từ A3 đến A11, A13 đến A19, A21, A23 đến A25 và A27; chữ viết bắt đầu từ dòng "Tôi tên" và kết thúc ở dòng "...ngày tháng năm" bằng bút bic màu xanh, chữ ký "long" và chữ viết "Nguyễn THanh L" bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán", chữ ký bằng bút bic màu xanh ở mục "Cò", trên 03 (ba) tờ "Hợp đồng mua bán lúa-nếp tươi" ký hiệu A12, A20 và A2 với: Chữ viết bắt đầu "Cộng hòa ..." và kết thúc "...200.000.000đ" bằng bút bic màu xanh, chữ viết "long" (chữ ký) ở mục "người viết đơn" trang 4 tờ 1, trên tờ "Tờ tự khai" ký hiệu M1; chữ viết bắt đầu "Công An..." và kết thúc "... 27 06 2023" (trừ chữ viết "VH 27 6 2023") bằng bút bic màu xanh, chữ viết "long" (chữ ký) và chữ viết "Nguyễn THanh L" bằng bút bic màu xanh ở mục "Người tự khai/Người tường trình", trên tờ "Bản tự khai/Bản tường trình" ký hiệu M2; chữ viết "Công an..." và kết thúc "... 6 9 2023" (trừ chữ viết "VH 06 9 2023") bằng bút bic màu xanh, chữ viết "long" (chữ ký) và chữ viết "Nguyễn THanh L" bằng bút bic màu xanh ở mục "Người tự khai/Người tường trình", trên tờ "Bản tự khai/Bản tường trình" ký hiệu M3; chữ ký "long" bằng bút bic màu xanh ở trên bên phải mục "Hỏi và đáp", chữ viết "long" (chữ ký) và chữ viết "Nguyễn THanh L" bằng bút bic màu xanh ở mục "Người khai", trên tờ "Biên bản ghi lời khai" ký hiệu M4 là do cùng một người viết ra.

Tại Kết luận giám định số: 1023/KL-KTHS ngày 18/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: Chữ viết bắt đầu "Nguyễn Văn T4..." và kết thúc "...8 12 22" bằng bút bic màu xanh, chữ viết "Teo" (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục "Cò" trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A1; Chữ viết bắt đầu "Nguyễn Văn THắng..." và kết thúc "...8 12 22" bằng bút bic màu xanh, chữ viết "Tèo" (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục "Cò", trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A2; chữ viết bắt đầu "Võ Văn TRÍ..." và kết thúc "... 8 12 22" bằng bút bic màu xanh, chữ viết "Tèo" (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục "Cò", trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A3; Chữ viết bắt đầu bằng "Nguyễn Văn T6..." và kết thúc "...triệu đồng" bằng bút bic màu xanh, chữ viết "Tèo" (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục "Cò", trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A4; Chữ viết bắt đầu bằng "Nguyễn Văn PHước..." và kết thúc "...triệu đồng" bằng bút bic màu xanh, chữ viết "Tèo" (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục "Cò", trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A5; chữ viết bắt đầu "Nguyễn Thanh Đ4..." và kết thúc "... 8 12 22" bằng bút bic màu xanh, chữ viết "Tèo" (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục "Cò", trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A6; Chữ viết bắt đầu bằng "Lê Văn T11 ..." và kết thúc "...triệu đồng" bằng bút bic màu xanh, chữ viết "Tèo" (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục "Cò", trên tờ

"Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A7 với: Chữ viết bắt đầu "Cộng hòa..." và kết thúc "...200.000.000đ" bằng bút bic màu xanh, chữ viết "long" (chữ ký) ở mục "người viết đơn" trang 4 tờ 1, trên tờ "Tờ tự khai" ký hiệu M1; chữ viết bắt đầu "Công An..." và kết thúc "...27 06 2023" (trừ chữ viết "VH 27 6 2023") bằng bút bic màu xanh, chữ viết "long" (chữ ký) và chữ viết "Nguyễn Thanh long" bằng bút bic màu xanh ở mục "Người tự khai/Người tường trình", trên tờ "Bản tự khai/Bản tường trình" ký hiệu M2; chữ viết bắt đầu "Công an..." và kết thúc "... 6 9 2023" (trừ chữ viết "VH 06 9 2023") bằng bút bic màu xanh ở mục "Người tự khai/ Người tường trình", trên tờ "Bản tự khai/ Bản tường trình" ký hiệu M3; chữ ký "long" bằng bút bic màu xanh ở trên phải mục "Hỏi và đáp", chữ viết "long" (chữ ký) và chữ viết "Nguyễn Thanh long" bằng bút bic màu xanh ở mục "Người khai", trên tờ "Biên bản ghi lời khai" ký hiệu M4 do cùng một người viết ra.

Tại Kết luận giám định số: 430/KL-KTHS ngày 26/7/2024 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận:

1. Chữ viết "PHượng" (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên 02 (hai) tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A1 và A2; chữ viết "PHước" (chữ ký) và chữ viết "TRần Văn PHước" bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A3; chữ viết "Toàn" (chữ ký) và chữ viết "nguyễn Văn Toàn" bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A11; chữ viết "long" (chữ ký) và chữ viết "nguyễn thanh Long" bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên 03 (ba) tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A12, A20 và A22; chữ viết "TRường" (chữ ký) và chữ viết "TRần Văn TRường" bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A16; chữ viết "Tâm" (chữ ký) và chữ viết "Ngã~ Văn T13" bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A21; chữ viết "PHước" (chữ ký) và chữ viết "Ngã~ Văn PHước" bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A24; chữ viết "Tý" (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A26; chữ viết "V1" (chữ ký) và chữ viết "Ngã~ Văn V2" bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A27; chữ viết "Biên" (chữ ký) và chữ viết "Nguyễn Văn Biên" bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A28; chữ viết "Hiếu" (chữ ký) và chữ viết "Ngã~ Văn H2" bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A29; chữ viết "ni"

(chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A30; chữ viết "Nghĩa" (chữ ký) và chữ viết "Buổi Hũ nghĩa" bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A31; chữ viết "M" (chữ ký) và chữ viết "Ngã Văn minh" bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A32; chữ viết "Lăm" (chữ ký) và chữ viết "Ngã Văn L8" bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A34; chữ viết "Lợm" (chữ ký) và chữ viết "Ngã Văn L9" bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A35; chữ viết "Phong" (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A36; chữ viết "Lợi" (chữ ký) và chữ viết "Nguyễn Văn lợi" bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A37; chữ viết "Tòng" (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A42; chữ viết "Phước" (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A43 với: Chữ viết bắt đầu "Công an..." và kết thúc "...Nguyễn Thanh L" (trừ chữ viết "11 6 2024" trên mục "Cán bộ tiếp nhận" và chữ viết "Khuất Văn L10" ở mục "Cán bộ tiếp nhận") và chữ viết "long" (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục "Người tự khai/Người tường trình" trên tờ "Bản tự khai/Bản tường trình" ký hiệu M1; chữ viết bắt đầu "Tôi tên..." và kết thúc "...Đực" bằng bút bic màu xanh trên tờ thu mẫu chữ ký, chữ viết ký hiệu M2; chữ viết "long" (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở trên phải mục "Hỏi và đáp" (trang 1) và ở lẽ dưới trang 2, trang 3, chữ viết "long" (chữ ký) và chữ viết "Nguyễn Thanh L" bằng bút bic màu xanh ở mục "Bị can" trên tờ "Biên bản hỏi cung bị can" ký hiệu M3 là do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký mang tên "Lê Văn L11" bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A4; Chữ ký mang tên "Nguyễn Văn L12" bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên 02 (hai) tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A6 và A7; Chữ ký mang tên "Tô Quan Vũ" bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A10; Chữ ký mang tên "Đậm" bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A13; chữ ký mang tên "Nguyễn Văn T14" bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A39 và A40; chữ ký mang tên "Nguyễn Thanh Đ4" bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên bán" trên tờ "Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi" ký hiệu A44; chữ ký mang tên "Lê Văn T11"

bằng bút bic màu xanh ở mục “Bên bán” trên tờ “Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi” ký hiệu A45 với: Chữ ký “long” (chữ viết) bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai/Người tường trình” trên tờ “Bản tự khai/Bản tường trình” ký hiệu M1; chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở trên phải mục “Hỏi và đáp” (trang 1) và ở lề dưới trang 2, trang 3, chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục “Bị can” trên tờ “Biên bản hỏi cung bị can” ký hiệu M3 là không đủ cơ sở kết luận.

3. Chữ viết “Lê Văn L11” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bên bán” trên tờ “Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi” ký hiệu A4 với: Chữ viết bắt đầu “Công an...” và kết thúc “...Nguyễn Thanh L” (trừ chữ viết “11 6 2024” trên mục “Cán bộ tiếp nhận” và chữ viết “Khuất Văn L10” ở mục “Cán bộ tiếp nhận”) và chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai/Người tường trình” trên tờ “Bản tự khai/Bản tường trình” ký hiệu M1; chữ viết bắt đầu “Tôi tên ...” và kết thúc “...Đức” bằng bút bic màu xanh trên tờ thu mẫu chữ ký, chữ viết ký hiệu M2; chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở trên phải mục “Hỏi và đáp” (trang 1) và ở lề dưới trang 2, trang 3, chữ viết “Long” (chữ ký) và chữ viết “Nguyễn Thanh L” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bị can” trên tờ “Biên bản hỏi cung bị can” ký hiệu M3 là không phải do cùng một người viết ra.

4. Chữ viết “Duyên” (chữ ký) và chữ viết “Nguyễn thị Mỹ Duyên” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bên bán” trên tờ “Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi” ký hiệu A5 với: Chữ viết bắt đầu “Công an ...” và kết thúc “...Nguyễn Thanh L” (trừ chữ viết “11 6 2024” trên mục “Cán bộ tiếp nhận” và chữ viết “Khuất Văn L10” ở mục “Cán bộ tiếp nhận”) và chữ viết “L” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai/Người tường trình” trên tờ “Bản tự khai/Bản tường trình” ký hiệu M1; chữ viết bắt đầu “Tôi tên...” và kết thúc “...Đức” bằng bút bic màu xanh trên tờ thu mẫu chữ ký, chữ viết ký hiệu M2; chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở trên phải mục “Hỏi và đáp” (trang 1) và ở lề dưới trang 2, trang 3, chữ viết “long” (chữ ký) và chữ viết “Nguyễn Thanh L” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bị can” trên tờ “Biên bản hỏi cung bị can” ký hiệu M3 là không phải do cùng một người viết ra.

5. Chữ viết “Nguyễn Văn L12” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bên bán” trên 02 (hai) tờ “Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi” ký hiệu A6 và A7 với: Chữ viết bắt đầu “Công an ...” và kết thúc “...Nguyễn Thanh L” (trừ chữ viết “11 6 2024” trên mục “Cán bộ tiếp nhận” và chữ viết “Khuất Văn L10” ở mục “Cán bộ tiếp nhận”) và chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai/Người tường trình” trên tờ “Bản tự khai/Bản tường trình” ký

hiệu M1; chữ viết bắt đầu “Tôi tên ...” và kết thúc “... Đực” bằng bút bic màu xanh trên tờ thu mẫu chữ ký, chữ viết ký hiệu M2; chữ viết “Long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở trên phải mục “Hỏi và đáp” (trang 1) và ở lề dưới trang 2, trang 3, chữ viết “long” (chữ ký) và chữ viết “Nguyễn Thanh L” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bị can” trên tờ “Biên bản hỏi cung bị can” ký hiệu M3 là không phải do cùng một người viết ra.

6. Chữ viết “Đực” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục “Bên bán” trên tờ “Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi” ký hiệu A8 với: Chữ viết bắt đầu “Công an...” và kết thúc “...Nguyễn Thanh L” (trừ chữ viết “11 6 2024” trên mục “Cán bộ tiếp nhận” và chữ viết “Khuất Văn L10” ở mục “Cán bộ tiếp nhận”) và chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai/Người tường trình” trên tờ “Bản tự khai/Bản tường trình” ký hiệu M1; chữ viết bắt đầu “Tôi tên ...” và kết thúc “... Đực” bằng bút bic màu xanh trên tờ thu mẫu chữ ký, chữ viết ký hiệu M2; chữ viết “Long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở trên phải mục “Hỏi và đáp” (trang 1) và ở lề dưới trang 2, trang 3, chữ viết “long” (chữ ký) và chữ viết “Nguyễn Thanh L” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bị can” trên tờ “Biên bản hỏi cung bị can” ký hiệu M3 là không phải do cùng một người viết ra.

7. Chữ viết “Bi” (chữ ký) và chữ viết “Tô Văn Ru B3” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bên bán” trên tờ “Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi” ký hiệu A9 với: Chữ viết bắt đầu “Công an ...” và kết thúc “... Nguyễn Thanh L” (trừ chữ viết “11 6 2024” trên mục “Cán bộ tiếp nhận” và chữ viết “Khuất Văn L10” ở mục “Cán bộ tiếp nhận”) và chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai/Người tường trình” trên tờ “Bản tự khai/Bản tường trình” ký hiệu M1; chữ viết bắt đầu “Tôi tên ...” và kết thúc “... Đực” bằng bút bic màu xanh trên tờ thu mẫu chữ ký, chữ viết ký hiệu M2; chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở trên phải mục “Hỏi và đáp” (trang 1) và ở lề dưới trang 2, trang 3, chữ viết “long” (chữ ký) và chữ viết “Nguyễn Thanh L” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bị can” trên tờ “Biên bản hỏi cung bị can” ký hiệu M3 là không phải do cùng một người viết ra.

8. Chữ viết “Tô Quan Vũ” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bên bán” trên tờ “Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi” ký hiệu A10 với: Chữ viết bắt đầu “Công an...” và kết thúc “...Nguyễn Thanh L” (trừ chữ viết “11 6 2024” trên mục “Cán bộ tiếp nhận” và chữ viết “Khuất Văn L10” ở mục “Cán bộ tiếp nhận”) và chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai/Người tường trình” trên tờ “Bản tự khai/Bản tường trình” ký hiệu M1; chữ viết bắt đầu “Tôi tên...” và kết thúc “... Đực” bằng bút bic màu xanh trên tờ thu mẫu

chữ ký, chữ viết ký hiệu M2; chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở trên phải mục “Hỏi và đáp” (trang 1) và ở lề dưới trang 2, trang 3, chữ viết “long” (chữ ký) và chữ viết “Nguyễn Thanh L” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bị can” trên tờ “Biên bản hỏi cung bị can” ký hiệu M3 là không phải do cùng một người viết ra.

9. Chữ viết “Đậm” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bên bán” trên tờ “Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi” ký hiệu A13 với: Chữ viết bắt đầu “Công an ...” và kết thúc “... Nguyễn Thanh L” (trừ chữ viết “11 6 2024” trên mục “Cán bộ tiếp nhận” và chữ viết “Khuất Văn L10” ở mục “Cán bộ tiếp nhận”) và chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai/Người tường trình” trên tờ “Bản tự khai/Bản tường trình” ký hiệu M1; chữ viết bắt đầu “Tôi tên ...” và kết thúc “...Đức” bằng bút bic màu xanh trên tờ thu mẫu chữ ký, chữ viết ký hiệu M2; chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở trên phải mục “Hỏi và đáp” (trang 1) và ở lề dưới trang 2, trang 3, chữ viết “long” (chữ ký) và chữ viết “Nguyễn Thanh L” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bị can” trên tờ “Biên bản hỏi cung bị can” ký hiệu M3 là không phải do cùng một người viết ra.

10. Chữ viết “Lâu” (chữ ký) và chữ viết “Nguyễn Văn L7” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bên bán” trên tờ “Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi” ký hiệu A14 với: Chữ viết bắt đầu “Công an ...” và kết thúc “... Nguyễn Thanh L” (trừ chữ viết “11 6 2024” trên mục “Cán bộ tiếp nhận” và chữ viết “Khuất Văn L10” ở mục “Cán bộ tiếp nhận”) và chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai/Người tường trình” trên tờ “Bản tự khai/Bản tường trình” ký hiệu M1; chữ viết bắt đầu “Tôi tên ...” và kết thúc “...Đức” bằng bút bic màu xanh trên tờ thu mẫu chữ ký, chữ viết ký hiệu M2 là không phải do cùng một người viết ra.

11. Chữ viết “pháp” (chữ ký) và chữ viết “Bùi Văn pháp” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bên bán” trên tờ “Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi” ký hiệu A15 với: Chữ viết bắt đầu “Công an...” và kết thúc “... Nguyễn Thanh long” (trừ chữ viết “11 6 2024” trên mục “Cán bộ tiếp nhận” và chữ viết “Khuất Văn L10” ở mục “Cán bộ tiếp nhận”) và chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai/Người tường trình” trên tờ “Bản tự khai/Bản tường trình” ký hiệu M1; chữ viết bắt đầu “Tôi tên...” và kết thúc “... Đức” bằng bút bic màu xanh trên tờ thu mẫu chữ ký, chữ viết ký hiệu M2 là không phải do cùng một người viết ra.

12. Chữ viết “nhẹ” (chữ ký) và chữ viết “nguyễn Văn nhẹ” bằng bút bic

màu xanh ở mục “Bên bán” trên tờ “Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi” ký hiệu A17 với: Chữ viết bắt đầu “Công an...” và kết thúc “... Nguyễn Thanh long” (trừ chữ viết “11 6 2024” trên mục “Cán bộ tiếp nhận” và chữ viết “Khuất Văn L10” ở mục “Cán bộ tiếp nhận”) và chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai/Người tường trình” trên tờ “Bản tự khai/Bản tường trình” ký hiệu M1; chữ viết bắt đầu “Tôi tên ..” và kết thúc “ ... Được” bằng bút bic màu xanh trên tờ thu mẫu chữ ký, chữ viết ký hiệu M2; chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở trên phải mục “Hỏi và đáp” (trang 1) và ở lề dưới trang 2, trang 3, chữ viết “long” (chữ ký) và chữ viết “Nguyễn THanh L” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bị can” trên tờ “Biên bản hỏi cung bị can” ký hiệu M3 là không phải do cùng một người viết ra.

13. Chữ viết “Đạt” (chữ ký) và chữ viết “Nguyễn Tô Quốc Đạt” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bên bán” trên tờ “Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi” ký hiệu A18 với: Chữ viết bắt đầu “Công an ... ” và kết thúc “... Nguyễn Thanh long” (trừ chữ viết “11 6 2024” trên mục “Cán bộ tiếp nhận” và chữ viết “Khuất Văn L10” ở mục “Cán bộ tiếp nhận”) và chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai/Người tường trình” trên tờ “Bản tự khai/Bản tường trình” ký hiệu M1; chữ viết bắt đầu “Tôi tên... ” và kết thúc “...Được” bằng bút bic màu xanh trên tờ thu mẫu chữ ký, chữ viết ký hiệu M2; chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở trên phải mục “Hỏi và đáp” (trang 1) và ở lề dưới trang 2, trang 3, chữ viết “long” (chữ ký) và chữ viết “Nguyễn THanh L” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bị can” trên tờ “Biên bản hỏi cung bị can” ký hiệu M3 là không phải do cùng một người viết ra.

14. Chữ viết “Điệp” (chữ ký) và chữ viết “Nguyễn Văn Bé Đ3” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bên bán” trên tờ “Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi” ký hiệu A19 với: Chữ viết bắt đầu “Công an ... ” và kết thúc “...Nguyễn Thanh L” (trừ chữ viết “11 6 2024” trên mục “Cán bộ tiếp nhận” và chữ viết “Khuất Văn L10” ở mục “Cán bộ tiếp nhận”) và chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai/Người tường trình” trên tờ “Bản tự khai/Bản tường trình” ký hiệu M1; chữ viết bắt đầu “Tôi tên ” và kết thúc “ Được” bằng bút bic màu xanh trên tờ thu mẫu chữ ký, chữ viết ký hiệu M2; chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở trên phải mục “Hỏi và đáp” (trang 1) và ở lề dưới trang 2, trang 3, chữ viết “long” (chữ ký) và chữ viết “Nguyễn THanh L” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bị can” trên tờ “Biên bản hỏi cung bị can” ký hiệu M3 là không phải do cùng một người viết ra.

15. Chữ viết “Cảm” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục “Bên bán” trên tờ “Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi” ký hiệu A23 với: Chữ viết bắt đầu

“Công an...” và kết thúc “... Nguyễn Thanh long” (trừ chữ viết “11 6 2024” trên mục “Cán bộ tiếp nhận” và chữ viết “Khuất Văn L10” ở mục “Cán bộ tiếp nhận”) và chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai/Người tường trình” trên tờ “Bản tự khai/Bản tường trình” ký hiệu M1; chữ viết bắt đầu “Tôi tên ...” và kết thúc “... Đực” bằng bút bic màu xanh trên tờ thu mẫu chữ ký, chữ viết ký hiệu M2; chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở trên phải mục “Hỏi và đáp” (trang 1) và ở lề dưới trang 2, trang 3, chữ viết “long” (chữ ký) và chữ viết “Nguyễn THanh L” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bị can” trên tờ “Biên bản hỏi cung bị can” ký hiệu M3 là không phải do cùng một người viết ra.

16. Chữ viết “Tòng” (chữ ký) và chữ viết “Ng~ Văn T15” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bên bán” trên tờ “Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi” ký hiệu A25 với: Chữ viết bắt đầu “Công an...” và kết thúc “...Nguyễn Thanh L” (trừ chữ viết “11 6 2024” trên mục “Cán bộ tiếp nhận” và chữ viết “Khuất Văn L10” ở mục “Cán bộ tiếp nhận”) và chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai/Người tường trình” trên tờ “Bản tự khai/Bản tường trình” ký hiệu M1; chữ viết bắt đầu “Tôi tên ...” và kết thúc “... Đực” bằng bút bic màu xanh trên tờ thu mẫu chữ ký, chữ viết ký hiệu M2; chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở trên phải mục “Hỏi và đáp” (trang 1) và ở lề dưới trang 2, trang 3, chữ viết “long” (chữ ký) và chữ viết “Nguyễn Thanh L” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bị can” trên tờ “Biên bản hỏi cung bị can” ký hiệu M3 là không phải do cùng một người viết ra.

17. Chữ viết “nhanh” (chữ ký) và chữ viết “ng~ Văn nhanh” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bên bán” trên tờ “Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi” ký hiệu A33 với: Chữ viết bắt đầu “Công an ...” và kết thúc “... Nguyễn Thanh long” (trừ chữ viết “11 6 2024” trên mục “Cán bộ tiếp nhận” và chữ viết “Khuất Văn L10” ở mục “Cán bộ tiếp nhận”) và chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai/Người tường trình” trên tờ “Bản tự khai/Bản tường trình” ký hiệu M1; chữ viết bắt đầu “Tôi tên ” và kết thúc “... Đực” bằng bút bic màu xanh trên tờ thu mẫu chữ ký, chữ viết ký hiệu M2; chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở trên phải mục “Hỏi và đáp” (trang 1) và ở lề dưới trang 2, trang 3, chữ viết “long” (chữ ký) và chữ viết “Nguyễn THanh L” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bị can” trên tờ “Biên bản hỏi cung bị can” ký hiệu M3 là không phải do cùng một người viết ra.

18. Chữ ký và chữ viết “Nguyễn hữu Quốc” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bên bán” trên tờ “Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi” ký hiệu A38 với: Chữ viết bắt đầu “Công an...” và kết thúc “...Nguyễn Thanh L” (trừ chữ viết “11 6

2024” trên mục “Cán bộ tiếp nhận” và chữ viết “Khuất Văn L10” ở mục “Cán bộ tiếp nhận”) và chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai/Người tường trình” trên tờ “Bản tự khai/Bản tường trình” ký hiệu M1; chữ viết bắt đầu “Tôi tên ...” và kết thúc “... Đực” bằng bút bic màu xanh trên tờ thu mẫu chữ ký, chữ viết ký hiệu M2; chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở trên phải mục “Hỏi và đáp” (trang 1) và ở lề dưới trang 2, trang 3, chữ viết “long” (chữ ký) và chữ viết “Nguyễn Thanh L” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bị can” trên tờ “Biên bản hỏi cung bị can” ký hiệu M3 là không phải do cùng một người viết ra.

19. Chữ viết “Nguyễn Văn T14” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bên bán” trên tờ “Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi” ký hiệu A39 và A40 với: Chữ viết bắt đầu “Công an...” và kết thúc “... Nguyễn Thanh long” (trừ chữ viết “11 6 2024” trên mục “Cán bộ tiếp nhận” và chữ viết “Khuất Văn L10” ở mục “Cán bộ tiếp nhận”) và chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai/Người tường trình” trên tờ “Bản tự khai/Bản tường trình” ký hiệu M1; chữ viết bắt đầu “Tôi tên...” và kết thúc “...Đực” bằng bút bic màu xanh trên tờ thu mẫu chữ ký, chữ viết ký hiệu M2; chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở trên phải mục “Hỏi và đáp” (trang 1) và ở lề dưới trang 2, trang 3, chữ viết “long” (chữ ký) và chữ viết “Nguyễn Thanh L” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bị can” trên tờ “Biên bản hỏi cung bị can” ký hiệu M3 là không phải do cùng một người viết ra.

20. Chữ viết “T12” (chữ ký) và chữ viết “Võ Văn TRÍ” bằng bút bic màu xanh mục “Bên bán” trên tờ “Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi” ký hiệu A41 với: Chữ viết bắt đầu “Công an...” và kết thúc “...Nguyễn Thanh L” (trừ chữ viết “11 6 2024” trên mục “Cán bộ tiếp nhận” và chữ viết “Khuất Văn L10” ở mục “Cán bộ tiếp nhận”) và chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai/Người tường trình” trên tờ “Bản tự khai/Bản tường trình” ký hiệu M1; chữ viết bắt đầu “Tôi tên ...” và kết thúc “...Đực” bằng bút bic màu xanh trên tờ thu mẫu chữ ký, chữ viết ký hiệu M2 là không phải do cùng một người viết ra.

21. Chữ viết “Nguyễn Thanh Đ4” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bên bán” trên tờ “Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi” ký hiệu A44 với: Chữ viết bắt đầu “Công an ...” và kết thúc “... Nguyễn Thanh long” (trừ chữ viết “11 6 2024” trên “Cán bộ tiếp nhận” và chữ viết “Khuất Văn L10” ở mục “Cán bộ tiếp nhận”) và chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai/ Người tường trình” trên tờ “Bản tự khai/Bản tường trình” ký hiệu M1; chữ viết bắt đầu “Tôi tên ...” và kết thúc “... Đực” bằng bút bic màu xanh trên tờ thu mẫu

chữ ký, chữ viết ký hiệu M2; chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở trên phải mục “Hỏi và đáp” (trang 1) và ở lề dưới trang 2, trang 3, chữ viết “long” (chữ ký) và chữ viết “Nguyễn Thanh L” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bị can” trên tờ “Biên bản hỏi cung bị can” ký hiệu M3 là không phải do cùng một người viết ra.

22. Chữ viết “Lê Văn T11” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bên bán” trên tờ “Hợp đồng mua bán lúa - nếp tươi” ký hiệu A45 với: Chữ viết bắt đầu “Công an...” và kết thúc “...Nguyễn Thanh L” (trừ chữ viết “11 6 2024” trên mục “Cán bộ tiếp nhận” và chữ viết “Khuất Văn L10” ở mục “Cán bộ tiếp nhận”) và chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai/Người tường trình” trên tờ “Bản tự khai/Bản tường trình” ký hiệu M1; chữ viết bắt đầu “Tôi tên...” và kết thúc “... Đực” bằng bút bic màu xanh trên tờ thu mẫu chữ ký, chữ viết ký hiệu M2; chữ viết “long” (chữ ký) bằng bút bic màu xanh ở trên phải mục “Hỏi và đáp” (trang 1) và ở lề dưới trang 2, trang 3, chữ viết “long” (chữ ký) và chữ viết “Nguyễn Thanh L” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bị can” trên tờ “Biên bản hỏi cung bị can” ký hiệu M3 là không phải do cùng một người viết ra.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng: Cơ quan Điều tra thu giữ và đưa vào hồ sơ vụ án: 45 “Hợp đồng mua bán lúa-nếp tươi”; 01 biên nhận tiền cọc lúa ngày 20/3/2023; 03 (ba) tờ uỷ nhiệm chi từ Ngân hàng S1.

Tại bản Cáo trạng số 46/CT-VKSLA-P2 ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử Nguyễn Thanh L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3, Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo L thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng truy tố và xác định bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3, Điều 175 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 4.133.000.000 đồng. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Các bị hại có mặt trình bày: Phần dân sự các bị hại yêu cầu Nguyễn Thanh L trả lại tiền còn nợ, cụ thể: Nguyễn Thị Bé T1 yêu cầu trả 3.463.000.000đ; Phạm Tím E yêu cầu trả 310.000.000đ; Trương Kim T2 yêu cầu trả 155.000.00, tại phiên tòa bị cáo L nộp bồi thường cho bà T2

10.000.000đ, bà T2 yêu cầu bị cáo tiếp tục trả 145.000.000đ. Nguyễn Thanh L đồng ý bồi thường các số tiền trên cho các bị hại.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm luận tội: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng các các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có ông N4 là người có công cách mạng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên bị cáo L có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo qui định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Lạm dụng nhiệm vụ chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L từ 13 đến 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 08 đến 10 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 585 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị hại, bị cáo là bị cáo cáo trách nhiệm trả cho bà B1 T1 và ông H 3.668.000.000đ; trả cho bà Tím Em 310.000.000đ; trả cho bà T2 145.000.000đ.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Luật sư thống nhất với tội danh Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” bởi vì bị cáo thực hiện theo yêu cầu của bà T1 và ông H, tiền thu được bị cáo hứa trả lại cho bà T1 và ông H, bị cáo không chiếm đoạt: Đồng thời bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đã nộp 10.000.000đ trả cho bị hại Thì, có ông ngoại Nguyễn Văn C1 là liệt sỹ. Đề nghị xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để áp dụng khoản 1, Điều 54 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt đã truy tố.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Từ tháng 11 năm 2022 đến tháng 4 năm 2023, Nguyễn Thanh L đã lợi dụng uy tín trong nghề nghiệp môi giới mua bán lúa nếp, sự tin tưởng của các thương lái, đưa ra thông tin gian dối L đã mua được lúa của nông dân tại huyện V, tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh), để chiếm đoạt tổng cộng 3.690.000.000đ tiền đặt cọc của các thương lái thu mua lúa gồm: chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Bé T1 và chồng là ông Nguyễn Văn H 3.225.000.000đ; bà Phạm Tím E và chồng là ông Ngô Thanh B4 310.000.000đ; bà Trương Kim T2 155.000.000đ. Đồng thời sau khi nhận lại tiền bà B1 T1 và ông H đặt cọc mua, bán lúa của 11 nông dân 443.000.000đ, sau khi thu hoạch lúa thay vì nhận 443.000.000đ tiền về giao lại cho bà T1 và ông H, nhưng bị cáo nói dối là chưa thu được tiền, bị cáo lấy 443.000.000đ tiêu xài và trả nợ cá nhân trước đó.

[3] Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối làm cho bị hại tin giả là thật nên giao tài sản cho bị cáo 3.690.000.000đ. Đồng thời bị cáo lợi dụng lòng tin của bà T1 và ông H nhờ bị cáo thu tiền của 11 hộ dân bị cáo chiếm đoạt 443.000.000đ. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo cũng thừa biết tài sản của bị hại là do công sức lao động làm ra nhưng vì động cơ, mục đích vụ lợi muốn có tiền tiêu xài và trả nợ nên bị cáo bất chấp pháp luật. Hành vi của bị cáo L có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3, Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của các bị hại với giá trị là 3.690.000.000 đồng là trên 500.000.000đ và chiếm đoạt của bà T1 và ông H 443.000.000đ nên Cáo trạng số 46/CT-VKSLA-P2 ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại

khoản 3, Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

Do đó đối với bị cáo cần phải có một hình phạt thỏa đáng, buộc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có thể giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để tuyên mức án tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội nhiều lần đối với nhiều bị hại và số tiền mỗi lần chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Có ông ngoại là Nguyễn Văn C1 là liệt sỹ, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ ở điểm b khoản 1 Điều 51 để áp dụng Điều 54 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thấy rằng: Đối với 11 hợp đồng đặt cọc do bà T1 và ông H trực tiếp ký và giao tiền cọc 443.000.000đ cho 11 hộ dân, khi đến vụ thu hoạch lúa được sự đồng ý của bà T1 và ông H giao cho bị cáo thu lại tiền cọc để giao lại cho bà T1, nhưng khi lấy được tiền từ những hộ dân bị cáo không giao lại cho bà T1 và ông H mà dùng tiền trả nợ cá nhân của bị cáo và tiêu xài hết, hiện nay bị cáo không còn khả năng trả lại cho bà T1, do đó hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” mà tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự. Bị cáo chiếm đoạt số tiền tổng cộng là 4.133.000.000đ của các bị hại, nhưng khi vụ án bị phát hiện bị cáo không nộp tiền bồi thường, khắc phục hậu quả, đến phiên tòa hôm nay bị cáo mang nộp trả cho bà T2 10.000.000đ là số tiền rất ít, không tương xứng với giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của các bị hại. Nên Hội đồng xét xử xác định hành vi của bị cáo L đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự, đồng thời bị cáo L chưa đủ điều kiện để được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không chấp nhận lời bào chữa của Luật sư về việc đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đã bị truy tố.

[4] Xét thấy, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo L trả lại số tiền chiếm đoạt cho bà B1 T1 và ông H 3.668.000.000đ; trả cho bà T16 Em 310.000.000đ; trả cho bà T2 145.000.000đ, bị cáo đồng ý nên được xem xét ghi nhận.

[6] Về vật chứng: Áp dụng 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu lưu vào hồ sơ những vật chứng là các tài liệu, văn bản thu thập trong quá trình điều tra vụ án gồm 45 “Hợp đồng mua bán lúa-nếp tươi”; 01 biên nhận tiền cọc lúa ngày 20/3/2023; 03 (ba) tờ uỷ nhiệm chi từ Ngân hàng S1.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh L 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 3, Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh L 05 (năm) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Thanh L chấp hành hình phạt chung cho 02 tội là 17 (mười bảy) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 03 năm 2024.

Căn cứ Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thanh L 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả cho bị hại Nguyễn Thị Bé T1 số tiền 3.668.000.000đ; trả cho Phạm Tím E số tiền 310.000.000đ; trả cho Trương Kim T2 số tiền 145.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về vật chứng:

Áp dụng 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu lưu giữ và đưa vào hồ sơ vụ án: 45 “Hợp đồng mua bán lúa-nếp tươi”; 01 biên nhận tiền cọc lúa ngày 20/3/2023; 03 (ba) tờ uỷ nhiệm chi từ Ngân hàng S1.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Thanh L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 112.123.000đ (một trăm mười hai triệu một trăm hai mươi ba ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai. Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TANDTC tại TP.HCM;
- VKSNDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Công an tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Minh Trí